

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI “TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN TỔNG
QUAN VỀ TÌNH HÌNH HỢP TÁC, GIAO THƯƠNG CỦA VIỆT NAM VỚI
THỊ TRƯỜNG THÀNH VIÊN CPTPP TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025”**

THUỘC NHIỆM VỤ
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2025”**

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO.....4

I. Tình hình thương mại song phương giữa Việt Nam và thị trường CPTPP trong 4 tháng đầu năm 20254

1. Đánh giá chung 4

2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong 4 tháng năm 2025..... 5

2.1. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang thị trường thành viên CPTPP6

2.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu8

3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường thành viên CPTPP trong 4 tháng đầu năm 2025 11

3.1. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ thị trường CPTPP 11

3.2. Cơ cấu thị trường nhập khẩu 15

4. Cán cân thương mại 17

II. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường thành viên CPTPP trong tháng 4/2025 18

III. Đánh giá triển vọng 19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025.....	7
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025.....	10
Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025.....	11
Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025.....	16
Bảng 5: Cán cân thương mại giữa Việt Nam với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP.....	17

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP trong 4 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2025.....	5
Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP	9
Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP	15

NỘI DUNG BÁO CÁO

I. Tình hình thương mại song phương giữa Việt Nam và thị trường CPTPP trong 4 tháng đầu năm 2025

1. Đánh giá chung

Mặc dù kinh tế toàn cầu còn nhiều bất ổn nhưng hoạt động thương mại 4 tháng đầu năm 2025 của Việt Nam vẫn tiếp tục giữ nhịp tăng trưởng tích cực với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 276,89 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 140,34 tỷ USD, tăng 13,19% và trị giá nhập khẩu đạt 136,55 tỷ USD, tăng 18,6%.

Riêng tháng 4/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 74,31 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng 3/2025 nhưng vẫn tăng 21,75% so với tháng 4/2024. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 37,44 tỷ USD, tăng 20,59% và trị giá nhập khẩu đạt 36,87 tỷ USD, tăng 22,95% so với tháng 4/2024.

Theo đó, cán cân thương mại tháng 4/2025 thặng dư 0,57 tỷ USD, đưa tổng thặng dư thương mại 4 tháng đầu năm nay lên 3,8 tỷ USD, phản ánh năng lực sản xuất – xuất khẩu của nền kinh tế tiếp tục cải thiện.

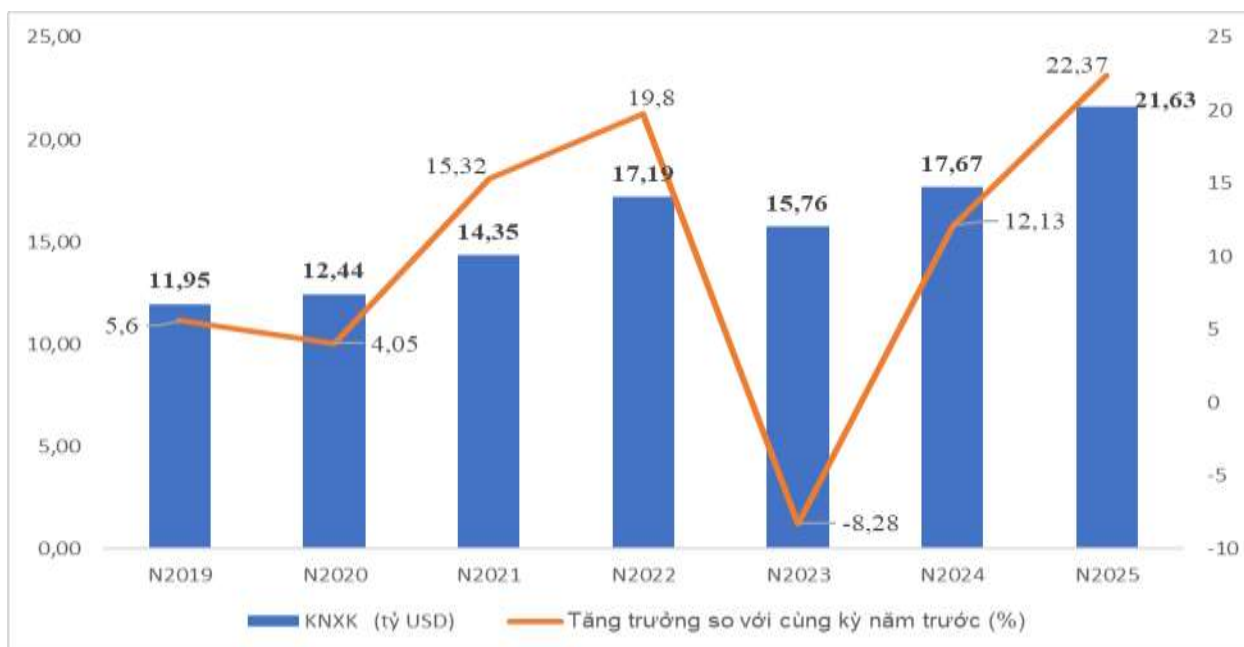
Đối với thị trường CPTPP, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và 11 thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP trong tháng 4/2025 đạt 10,13 tỷ USD, tăng mạnh 18,97% so với tháng 4/2024 do Vương quốc Anh đã chính thức gia nhập khối thị trường này từ tháng 12/2024. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với 11 quốc gia thành viên Hiệp định CPTPP đạt xấp xỉ 38,54 tỷ USD, tăng 15,46% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,92% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam.

2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong 4 tháng năm 2025

Việc ký kết và thực thi các FTA thế hệ mới, trong đó có Hiệp định CPTPP, đã giúp hàng hóa Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu. Năng lực nội tại của các doanh nghiệp cũng liên tục được củng cố, đầu tư chế biến sâu, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế, đem đến kết quả tích cực.

Theo số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 4/2025 tuy giảm 5,39% so với tháng 3/2025 nhưng tăng tới 23,61% so với tháng 4/2024 (do Vương quốc Anh đã chính thức trở thành thành viên Hiệp định từ tháng 12/2024), đạt 5,57 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang các 11 quốc gia đối tác trong Hiệp định CPTPP 4 tháng đầu năm nay lên gần 21,63 tỷ USD, tăng 22,37% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 15,41% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP trong 4 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

2.1. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang thị trường thành viên CPTPP

So với tháng 3/2025, xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực sang 11 thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 4/2025 giảm khá. Điển hình, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang các quốc gia đối tác trong Hiệp định CPTPP nhưng giảm đến 34,7%. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may chiếm tỷ trọng lớn thứ hai cũng giảm 5,21%. Một số mặt hàng khác có mức giảm tương đối cao là gạo (giảm 30,61%), cao su (giảm 30,89%), các loại đá quý, kim loại quý và sản phẩm (giảm 19,06%), phương tiện vận tải và phụ tùng (giảm 18,67%).

Tuy nhiên, xuất khẩu các mặt hàng tháng 4/2025 sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP vẫn tăng so với cùng kỳ tháng 4/2024. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 680,57 triệu USD, tăng 43,71%; kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 269,26 triệu USD, tăng 33,1%; cà phê tăng 81,36%, đạt 164,65 triệu USD; phân bón các loại tuy có trị giá xuất khẩu thấp ở mức 10,76 triệu USD nhưng tăng đến 113,34%.

Kết quả tích cực này đã góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang các quốc gia đối tác trong Hiệp định trong 4 tháng đầu năm nay tăng đáng kể so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm ngoái. Trong đó, trị giá xuất khẩu hàng dệt may chiếm 11,11% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP, đạt 2,4 tỷ USD, tăng 10,59%. Trị giá xuất khẩu nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 11,08% tỷ trọng, đạt xấp xỉ 2,4 tỷ USD, tăng 29,81%. Trị giá xuất khẩu các loại phương tiện vận tải và phụ tùng chiếm 8,44% tỷ trọng, đạt hơn 1,8 tỷ USD, tăng 20,02%. Trị giá xuất khẩu hạt tiêu tuy chỉ chiếm 0,21% tỷ trọng, đạt 45,66 triệu USD nhưng tăng tới 72,26%. Tương tự, trị giá xuất khẩu cao su cũng chỉ chiếm mức tỷ trọng thấp là 0,16%, đạt 33,57 triệu USD nhưng tăng mạnh 112,44%.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng 4T/2025 (%)
Tổng 11 quốc gia thành viên Hiệp định CPTPP	5.566,59	-5,39	23,61	21.628,03	22,37	100,00
Điện thoại các loại và linh kiện	446,70	-34,70	-19,77	2.494,54	-4,35	11,53
Hàng dệt, may	608,53	-5,21	16,60	2.403,54	10,59	11,11
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	680,57	1,24	43,71	2.396,41	29,81	11,08
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	607,90	-3,82	-6,69	2.323,59	-13,75	10,74
Phương tiện vận tải và phụ tùng	438,86	-18,67	21,97	1.826,19	20,02	8,44
Giày dép các loại	416,21	16,08	24,77	1.449,21	18,37	6,70
Gỗ và sản phẩm gỗ	269,26	-1,49	33,10	1.007,54	23,83	4,66
Hàng thủy sản	238,21	-1,14	7,79	878,56	8,29	4,06
Cà phê	164,65	-5,87	81,36	587,10	82,14	2,71
Sản phẩm từ chất dẻo	104,78	-4,89	4,93	411,48	6,23	1,90
Sản phẩm từ sắt thép	93,29	-0,54	24,93	368,25	16,39	1,70
Sắt thép các loại	99,31	21,65	-25,27	353,09	-21,15	1,63
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	94,95	15,63	34,07	322,02	3,90	1,49
Dầu thô	111,02	6,47	-31,22	303,16	-19,68	1,40
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	76,22	7,67	15,66	283,77	9,88	1,31
Kim loại thường khác và sản phẩm	68,79	3,31	6,09	250,00	12,81	1,16
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	53,22	-10,41	-10,58	226,24	26,12	1,05
Hàng rau quả	53,15	-5,21	22,47	194,81	22,18	0,90
Hóa chất	43,24	5,44	30,59	183,69	-5,68	0,85
Dây điện và dây cáp điện	43,72	-5,76	16,28	168,66	20,80	0,78
Hạt điều	38,67	20,81	33,93	120,00	-0,67	0,55
Gạo	33,69	-30,61	-55,67	116,46	-33,03	0,54
Xăng dầu các loại	37,10	0,48	1.239,01	100,35	187,12	0,46
Chất dẻo nguyên liệu	24,69	13,53	33,33	91,89	14,33	0,42
Sản phẩm hóa chất	23,00	-8,00	-44,31	91,53	-53,27	0,42

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với thị trường thành viên CPTPP”

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng 4T/2025 (%)
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	23,27	-9,00	13,84	91,46	19,63	0,42
Giấy và các sản phẩm từ giấy	21,88	8,33	-1,33	81,36	-7,25	0,38
Sản phẩm từ cao su	21,68	3,68	10,19	79,28	2,87	0,37
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	17,44	10,36	32,26	67,55	29,79	0,31
Xơ, sợi dệt các loại	15,01	-4,02	16,89	56,98	6,47	0,26
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	13,82	2,58	4,53	53,05	5,78	0,25
Sản phẩm gốm, sứ	13,99	-0,86	4,73	52,73	-1,84	0,24
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	12,89	4,77	12,65	48,48	3,69	0,22
Hạt tiêu	12,62	-10,23	50,55	45,66	72,26	0,21
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	10,62	8,52	4,37	41,26	-4,02	0,19
Phân bón các loại	10,76	62,54	113,34	36,06	63,11	0,17
Cao su	4,60	-30,89	73,58	33,57	112,44	0,16
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	8,10	-19,06	9,98	33,25	16,35	0,15
Cloanhke và xi măng	7,93	18,83	8,28	31,35	-1,45	0,14
Vải màn, vải kỹ thuật khác	7,17	-3,94	15,35	24,18	-0,34	0,11
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	3,94	-1,93	13,55	14,22	3,92	0,07
Quặng và khoáng sản khác	3,90	390,91	-12,36	10,50	-8,01	0,05
Sắt và các sản phẩm từ sắt	1,43	-18,85	-8,83	6,04	51,77	0,03
Chè	0,34	-30,52	41,39	1,52	18,28	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

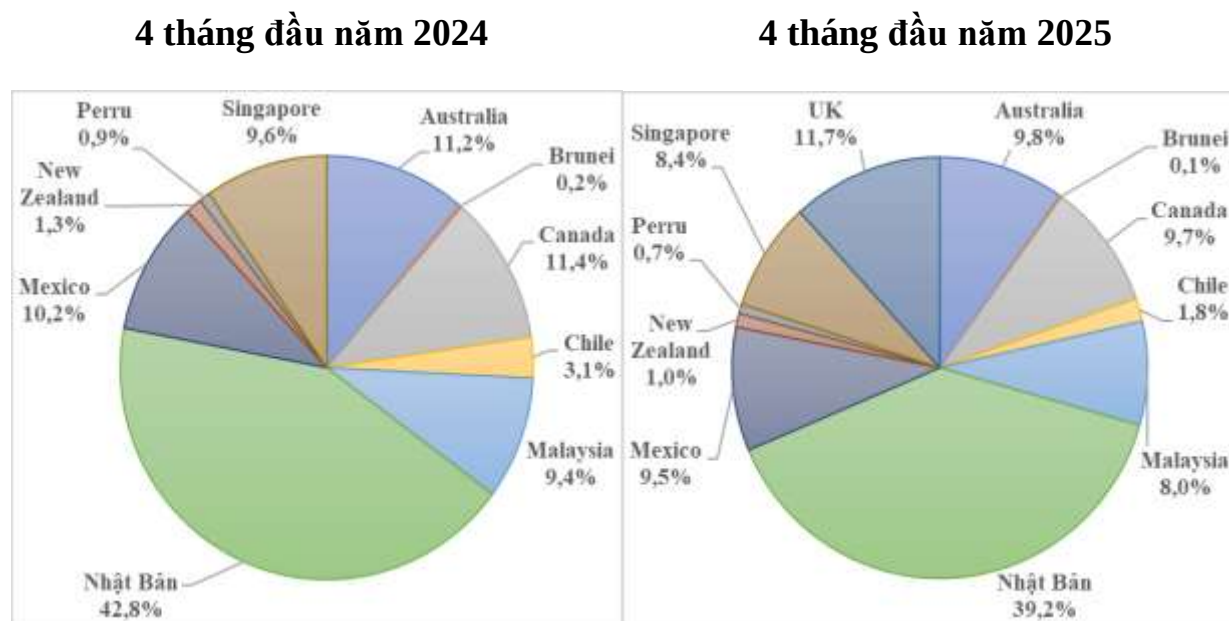
2.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu của Việt Nam sang các quốc gia thành viên Hiệp định CPTPP 4 tháng đầu năm 2025 đã có sự thay đổi với sự gia nhập của Vương quốc Anh từ tháng 12/2024, trở thành thành viên chính thức thứ 12 trong

Hiệp định. Theo đó, Nhật Bản là thị trường chiếm đến 42,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP trong 4 tháng đầu năm 2024, nhưng chỉ còn giữ mức tỷ trọng 39,2% trong 4 tháng đầu năm 2025. Thị trường xuất khẩu giữ tỷ trọng cao thứ hai trong khối các quốc gia đối tác thuộc Hiệp định CPTPP chính là nước thành viên mới nhất – Vương quốc Anh, chiếm 11,7% tỷ trọng, đạt 2,5 tỷ USD, tăng 2,86% so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm trước – thời điểm Vương quốc Anh chưa chính thức gia nhập CPTPP, cho thấy tín hiệu tích cực về cơ hội tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường mới.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP

(ĐVT: % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Đáng chú ý, mặc dù tỷ trọng của Nhật Bản trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu khối thành viên Hiệp định CPTPP 4 tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm ngoái do Vương quốc được trở thành thành viên chính thức trong Hiệp định, nhưng xuất khẩu sang Nhật Bản vẫn tăng trưởng khá với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 8,5 tỷ USD, tăng 12,04% so với 4 tháng đầu năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu sang Australia cũng tăng khá ở mức 7,65%, đạt 2,12 tỷ USD. Đặc biệt, xuất khẩu sang Mexico tiếp tục tăng mạnh 13,96% - là mức tăng trưởng cao nhất trong các thị trường xuất khẩu khỏi các đối tác thành viên Hiệp định CPTPP. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu sang Canada cũng tăng 4,83%, đạt 2,1 tỷ USD; kim ngạch xuất khẩu sang Singapore tăng 6,09%; sang Malaysia tăng 3,66%... Chỉ có xuất khẩu sang 3 thị trường Chile, New Zealand và Brunây giảm lần lượt 30,09%; 0,82% và 9,15%.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

Thị trường	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)
Tổng 11 đối tác thành viên CPTPP	5.566,59	-5,39	23,61	21.628,03	22,37
Nhật Bản	2.076,35	-7,31	10,28	8.476,44	12,04
Vương quốc Anh	611,85	-9,30	7,62	2.541,05	2,86
Australia	556,03	-5,58	-0,16	2.124,11	7,65
Canada	558,28	-4,78	9,83	2.107,28	4,83
Mexico	597,13	12,74	28,12	2.056,85	13,96
Singapore	491,18	-11,30	1,53	1.809,01	6,09
Malaysia	484,90	-0,68	13,09	1.722,66	3,66
Chile	94,41	-18,41	6,51	378,53	-30,09
New Zealand	49,23	-14,40	1,62	223,53	-0,82
Peru	45,73	-4,69	18,57	159,49	3,31
Brunei	1,51	47,05	33,35	29,08	-9,15

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường thành viên CPTPP trong 4 tháng đầu năm 2025

3.1. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ thị trường CPTPP

Trong khi xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia đối tác thành viên Hiệp định CPTPP giảm so với tháng trước thì nhập khẩu tăng nhẹ. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng từ 11 nước thành viên trong Hiệp định tháng 4/2025 đạt gần 4,57 tỷ USD, tăng 1,32% so với tháng 3/2025.

So sánh kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ những quốc gia này trong tháng 4/2025 (khi Vương quốc Anh đã chính thức tham gia Hiệp định) với tháng 4/2024 - thời điểm Hiệp định CPTPP mới có 10 thành viên đối tác (chưa có Vương quốc Anh) thì tăng trưởng nhập khẩu lên đến mức 13,77%. Theo đó, kim ngạch nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2025 cũng tăng 7,69% so với cùng kỳ năm 2024.

Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Tổng KNNK từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP	4.565,91	1,32	13,77	16.907,99	7,69	100,00
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4,08	-19,51	-3,33	17,44	2,20	0,10
Bông các loại	7,24	-12,94	-70,84	73,88	-59,37	0,44
Cao su	16,61	1,27	-3,74	66,40	11,60	0,39
Chất dẻo nguyên liệu	112,31	-16,18	20,48	460,65	29,69	2,72
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	39,71	4,02	11,48	148,65	-0,04	0,88
Chế phẩm thực phẩm khác	35,44	-9,2	-6,29	149,04	14,27	0,88

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với thị trường thành viên CPTPP”

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6,99	-1,62	30,01	23,46	21,75	0,14
Dầu mỡ động, thực vật	44,85	113,7	-30,80	125,12	-31,00	0,74
Dầu thô	0,00	-100	#DIV/0!	49,97	-10,09	0,30
Đậu tương	2,00	-53,99	-52,77	29,32	37,72	0,17
Dây điện và dây cáp điện	21,05	-0,45	26,96	80,16	31,56	0,47
Điện thoại các loại và linh kiện	0,30	-60,26	-66,52	2,02	67,58	0,01
Dược phẩm	20,46	5,63	82,99	74,56	80,09	0,44
Giấy các loại	35,29	0,03	8,88	130,59	4,45	0,77
Gỗ và sản phẩm gỗ	13,46	1,07	-1,35	46,71	3,99	0,28
Hàng điện gia dụng và linh kiện	40,21	-35,91	26,97	185,74	17,96	1,10
Hàng rau quả	25,90	28,42	42,98	97,02	49,30	0,57
Hàng thủy sản	43,78	-11,14	91,87	163,97	73,77	0,97
Hóa chất	119,48	12,34	-7,22	408,93	-10,77	2,42
Khí đốt hóa lỏng	80,27	50,55	62,25	189,48	12,87	1,12
Kim loại thường khác	170,69	-25,16	-4,91	703,84	15,59	4,16
Linh kiện, phụ tùng ô tô	57,16	10,59	16,16	203,59	20,09	1,20
Lúa mì	99,08	180,95	34,00	204,27	5,08	1,21
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8,05	8,37	-47,99	32,19	-50,50	0,19

Bài “Tổng hợp, đánh giá và phân tích thông tin tổng quan về tình hình hợp tác, giao thương của Việt Nam với thị trường thành viên CPTPP”

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	582,62	-5,14	35,59	2.175,80	33,76	12,87
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	973,36	-4,59	28,75	3.959,81	11,41	23,42
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	26,55	-18,19	-10,17	108,82	7,05	0,64
Nguyên phụ liệu dược phẩm	0,31	-9,27	32,22	1,26	55,48	0,01
Nguyên phụ liệu thuốc lá	0,62	10,96	-21,18	1,81	22,53	0,01
Ô tô nguyên chiếc các loại	22,82	26,16	69,16	66,27	43,12	0,39
Phân bón các loại	8,86	115,19	-53,88	39,03	-22,38	0,23
Phế liệu sắt thép	141,43	14,91	55,15	468,34	8,12	2,77
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	6,72	71,03	-3,83	28,31	38,04	0,17
Quặng và khoáng sản khác	162,09	10,26	33,22	460,38	3,41	2,72
Sản phẩm hóa chất	105,53	-0,96	23,16	382,45	6,63	2,26
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	53,65	-33,81	70,74	217,51	59,99	1,29
Sản phẩm từ cao su	14,77	-9,85	5,75	57,76	2,65	0,34
Sản phẩm từ chất dẻo	93,79	2,46	31,97	337,47	23,86	2,00
Sản phẩm từ giấy	4,75	-8,67	1,80	18,86	6,18	0,11
Sản phẩm từ kim loại thường khác	12,78	14,75	28,81	45,38	7,54	0,27
Sản phẩm từ sắt thép	42,81	-3,32	13,95	162,86	7,37	0,96
Sắt thép các loại	165,78	30,17	67,02	549,71	28,45	3,25

Tên nhóm/mặt hàng	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)	Tỷ trọng trên tổng KNNK từ CPTPP (%)
Sữa và sản phẩm sữa	55,04	-11,35	9,75	256,45	47,40	1,52
Than các loại	264,22	12,52	5,05	958,33	-3,00	5,67
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	11,29	-7,78	-25,16	47,51	-19,54	0,28
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	14,43	16,13	99,11	47,85	28,04	0,28
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	15,17	-19,51	-20,55	56,77	-40,30	0,34
Vải các loại	69,91	-7,8	11,98	270,64	12,14	1,60
Xăng dầu các loại	388,71	45,19	-24,09	1.234,75	-30,18	7,30
Xơ, sợi dệt các loại	5,90	-34,79	-21,27	30,45	11,24	0,18

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP là các loại máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, đạt 973,36 triệu USD trong tháng 4/2025, tăng 28,75% so với tháng 4/2024, nâng trị nhập khẩu mặt hàng trong 4 tháng đầu năm nay lên 3,96 tỷ USD, tăng 11,41% so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm ngoái, chiếm 23,42% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia nói trên.

Đáng chú ý, nhập khẩu dược phẩm tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP (chiếm 0,44%) nhưng có mức tăng trưởng về trị giá nhập khẩu cao nhất trong các mặt hàng nhập khẩu từ các nước này 4 tháng đầu năm nay, tăng tới 80,09% so với cùng kỳ năm trước. Có khả năng sau khi Vương quốc Anh chính thức trở thành thành viên Hiệp định (từ tháng 12/2024), dược phẩm nhập khẩu từ Vương quốc Anh bắt đầu tăng nhanh. Thống kê số liệu hải quan cho thấy, trị giá nhập khẩu dược phẩm

từ thị trường này trong kỳ 4 tháng đầu năm 2024 – thời gian Vương quốc Anh chưa được gia nhập các quốc gia thành viên CPTPP – giảm 26,9% so với cùng kỳ năm 2023, nhưng trị giá nhập khẩu của mặt hàng trong 4 tháng đầu năm nay – khi Vương quốc Anh đã trở thành thành viên chính thức - đã tăng 25,72% so với 4 tháng đầu năm 2024.

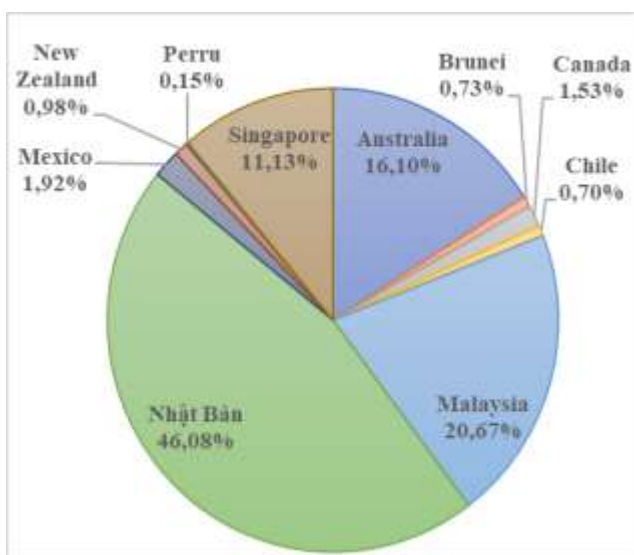
3.2. Cơ cấu thị trường nhập khẩu

Cơ cấu các thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP có sự thay đổi. Ngoại trừ Vương quốc Anh mới chính thức trở thành thành viên Hiệp định CPTPP, tỷ trọng (về trị giá nhập khẩu) của một số thị trường trong 4 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ 4 tháng đầu năm ngoái, như New Zealand (tăng từ 0,98% tỷ trọng trong 4 tháng năm 2024 lên mức 1,53% trong 4 tháng năm 2025), Peru (tăng từ 0,15% lên mức 0,22%), Singapore (tăng từ 11,13% lên mức 12,28%), Brunei (tăng từ 0,73% lên mức 0,96%)...

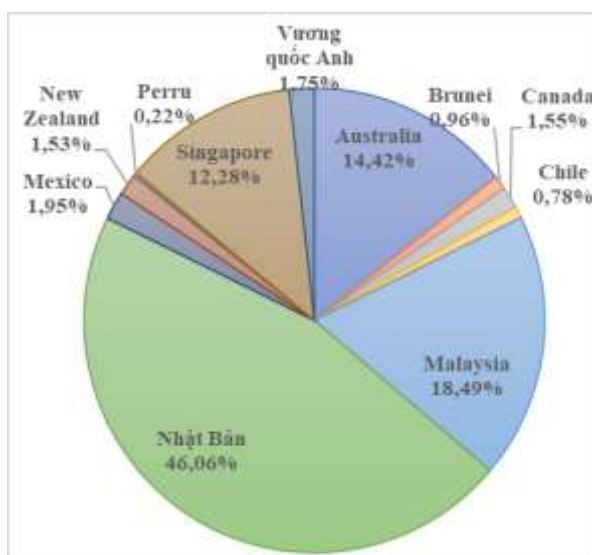
Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên Hiệp định CPTPP

(ĐVT: % tính theo trị giá)

4 tháng đầu năm 2024



4 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Singapore tháng 4/2025 tăng 20,18% so với tháng 3/2025 và tăng 18,42% so với tháng 4/2024, đạt 623,37 triệu USD, đưa tổng trị giá nhập khẩu từ thị trường này 4 tháng đầu năm nay lên xấp xỉ 2,08 tỷ USD, tăng 18,86% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, tuy giữ tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các quốc gia đối tác thành viên CPTPP nhưng nhập khẩu từ New Zealand có mức tăng trưởng lớn nhất với trị giá 259,46 triệu USD trong 4 tháng năm 2025, tăng đến 68,61% so với 4 tháng năm 2024.

Có mức tăng trưởng nhập khẩu cao thứ hai là Peru, cũng chỉ giữ tỷ trọng thấp nhưng trị giá nhập khẩu hàng hóa từ thị trường này trong tháng 4/2025 tăng 21,08% so với tháng 4/2024, đạt 7,32 triệu USD, nâng trị giá nhập khẩu từ Peru trong cả 4 tháng đầu năm 2025 lên 37,79 triệu USD, tăng 56,77% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025

Thị trường	T4/2025 (triệu USD)	So T3/2025 (%)	So T4/2024 (%)	4T/2025 (triệu USD)	So 4T/2024 (%)
Tổng KNNK từ các nước thành viên CPTPP	4.565,91	1,32	13,77	16.907,99	7,69
Nhật Bản	1.994,67	-2,79	14,25	7.787,35	7,63
Malaysia	884,23	3,23	6,65	3.126,73	-3,66
Australia	688,85	3,24	2,00	2.437,85	-3,57
Singapore	623,37	20,18	18,42	2.076,99	18,86
Mexico	86,89	2,58	39,64	330,21	9,56
Vương quốc Anh	81,04	-2,09	27,39	296,52	24,57

Canada	70,61	49,89	-13,62	261,30	8,43
New Zealand	67,89	1,92	48,74	259,46	68,61
Brunei	29,74	-65,28	158,36	161,80	42,04
Chile	31,30	-7,04	6,57	131,99	20,19
Peru	7,32	-36,47	21,08	37,79	56,77

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

4. Cán cân thương mại

Trong thương mại với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP tháng 4/2025, Việt Nam xuất siêu 1 tỷ USD, tăng 0,55% so với mức xuất siêu 995,2 triệu USD của tháng 4/2024. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, Việt Nam đạt thặng dư thương mại 4,72 tỷ USD, tăng 12,22% so với mức thặng dư 4,21 tỷ USD cùng kỳ năm trước.

Bảng 5: Cán cân thương mại giữa Việt Nam với các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP

Tên thị trường	T4/2025 (triệu USD)	4T/2025 (triệu USD)
Cán cân thương mại với 11 đối tác thành viên CPTPP	1.000,69	4.720,05
Vương quốc Anh	530,82	2.244,53
Canada	487,68	1.845,98
Mexico	510,24	1.726,64
Nhật Bản	81,68	689,08
Chile	63,12	246,55
Pê Ru	38,41	121,71

Tên thị trường	T4/2025 (triệu USD)	4T/2025 (triệu USD)
New Zealand	-18,66	-35,93
Brunây	-28,24	-132,73
Singapore	-132,19	-267,98
Australia	-132,81	-313,74
Malaysia	-399,34	-1.404,06

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Đóng góp lớn nhất trong tổng xuất siêu của Việt Nam với các thị trường thành viên CPTPP trong 4 tháng năm 2025 là Vương quốc Anh (Việt Nam xuất siêu 2,24 tỷ USD, tăng 0,54% so với 4 tháng năm 2024), Canada (Việt Nam xuất siêu gần 1,85 tỷ USD, tăng 4,34%), và Mexico (Việt Nam xuất siêu 1,73 tỷ USD, tăng 14,84%).

Ngược lại, thương mại hàng hóa của Việt Nam với Malaysia thâm hụt khá cao khi nhập siêu với thị trường này ở mức 1,4 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm nay.

II. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường thành viên CPTPP trong tháng 5/2025

Mặc dù kinh tế toàn cầu có nhiều biến động nhưng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực. Theo số liệu của Đầu tư nước ngoài – Bộ Tài chính, tổng vốn đầu tư đăng ký mới, điều chỉnh vốn và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 13,82 tỷ USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể, về đăng ký mới có 1.204 dự án đầu tư mới (tăng 14,1% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký mới đạt hơn 5,59 tỷ USD (giảm 23,8% so với cùng kỳ).

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng

vốn đầu tư đạt hơn 8,9 tỷ USD, chiếm gần 64,6% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 35,1% so với cùng kỳ.

Theo đối tác đầu tư, đã có 81 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2025. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 3,2 tỷ USD, chiếm hơn 23,5% tổng vốn đầu tư, tăng 10% so với cùng kỳ.

Về dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2025, Singapore cũng là nhà đầu tư lớn nhất với 1,32 tỷ USD, Nhật Bản đạt 341,8 triệu USD.

III. Đánh giá triển vọng

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã góp phần mở ra nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam. Hiệp định này không chỉ giúp tăng cường xuất khẩu mà còn thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam, thành công thâm nhập các thị trường mới như Canada, Mexico và Peru.

Bối cảnh thuế quan và thương mại bất định hiện nay mang đến nhiều thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp toàn cầu. Chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đã tác động đến chi phí sản xuất, logistics và thị trường xuất khẩu của Việt Nam. Vì vậy, mở rộng thị trường – đặc biệt là các thị trường thành viên CPTPP – là một trong những giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam. Dự báo, thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia đối tác thành viên Hiệp định CPTPP năm 2025 sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhất là khi một số nền kinh tế như Vương quốc Anh đang trên đà hồi phục. Theo số liệu chính thức từ Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh (ONS), tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Vương quốc Anh tăng 0,7% trong quý 1/2025, cao hơn nhiều so với mức tăng 0,1% của quý 4/2024 và vượt dự báo 0,6% của Ngân hàng Trung ương Anh (BoE).

Bộ trưởng Tài chính Anh nhận định, các số liệu mới nhất cho thấy sức mạnh và tiềm năng của nền kinh tế Anh. Trong quý 1/2025, kinh tế Anh tăng trưởng nhanh hơn Mỹ, Canada, Pháp, Italy và Đức.

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương